

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 02-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 363/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2017/HSST - QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Anh K, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 40/16 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Lê Thị C, sinh năm 1970; Vợ là Nguyễn Thị Huyền C, sinh năm 1996; chưa có con; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo tạm giam ngày 21/10/2017, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; thường trú: số 19/16 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1983; chỗ ở: số 127 đường chùa B, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút 21/10/2017, K đi bộ đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị H tại số 19/16, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương để

mua card điện thoại. Lúc này chị H đang pha sữa cho con ở dưới bếp nên không biết có khách đến mua hàng. K gọi chủ quán bán card nhưng không có ai trả lời, K quan sát và nhìn thấy trên kệ ti vi của phòng khách có 01 điện thoại hiệu SamSung A5 màu vàng nhạt, có ốp lưng bằng nhựa, sau ốp lưng có để 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên Nhật, K bỏ dép bên ngoài rồi vào trong phòng khách, đến kệ ti vi dùng tay trái cầm lấy chiếc điện thoại trên tay đi ra khỏi cửa phòng khách. Lúc này, chị H nghe thấy tiếng động nên từ phòng bếp đi ra thì nhìn thấy K đang cầm điện thoại của mình nên chị H truy hô cùng anh Nguyễn Quốc Tr ở trợ gần đó bắt giữ Trần Anh K giao cho Công an phường Dĩ An tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với K cùng vật chứng vụ án.

Vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A5 màu vàng nhạt; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên Nhật số seri AQ829046F.

Theo kết luận định giá số 285/BB.ĐG ngày 28/10/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận: 01 điện thoại di động hiệu SamSung A5 màu vàng nhạt có trị giá 5.000.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên Nhật có trị giá tại thời điểm định giá tài sản là 202.510 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án: 5.202.510 đồng.

Tại cáo trạng số 352/QĐ - KSĐT ngày 24 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Anh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố về tội Trộm cắp tài sản đối với bị cáo, về điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A5 màu vàng nhạt, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên Nhật số seri AQ829046F là tài sản sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã tiến hành trả lại số tài sản trên cho người bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Anh K đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu SamSung A5 màu vàng nhạt, 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 yên Nhật có giá trị 5.202.510 đồng của người bị hại Nguyễn Thị H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, tương ứng với quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng số 352/QĐ - KSĐT ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, tương ứng với các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo đó, hình phạt của tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt cao nhất từ 12 đến 20 năm, nhẹ hơn hình phạt quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy

định hình phạt cao nhất là tù chung thân. Do đó, cần xem xét áp dụng điều luật quy định hình phạt nhẹ hơn theo hướng có lợi cho bị cáo.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nghề nghiệp ổn định, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị nhỏ, đã thu hồi ngay trả lại cho người bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, là người lao động, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã Dĩ An. Thời gian bị cáo bị tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Anh K phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 7, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Anh K 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 (hai) tháng 14 (mười bốn) ngày tạm giam, tương đương 07 (bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo còn phải chấp hành là 02 (hai) tháng 18 (mười tám) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Anh K cho Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 75 Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Anh K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (02);
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương(01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm

